

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 253/2026/HSST

Ngày 28/4/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Hồng Thủy

2. Ông Đinh Văn Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Bảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Hồng Hải - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 138/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 249/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đồng Tố V, **sinh năm** 1994; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: M, khu đô thị T, phường Y, Thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đồng Tố T và con bà Đào Thị C. Tiền án, tiền sự: không.

Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 04-QĐ/UBKTĐU ngày 19/9/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy phường Y, Thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị bắt ngày 26/9/2024 và tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến nay tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H. **Có mặt.**

Người bào chữa cho bị cáo Đồng Tố V :

- Luật sư Phạm Thị H, Công ty L2, Đoàn luật sư Thành phố H. **Có mặt.**
- Luật sư Phạm Mai H1 (vắng mặt), luật sư Nguyễn Quốc C1 và luật sư Ngô Thị L, Công ty L3, Đoàn luật sư Thành phố H. **Có mặt.**

Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1996; Địa chỉ: B Tòa B, D M, phường V, Thành phố Hà Nội. **Vắng mặt.**

2. Anh Phạm Như T2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Chung cư C, xã S, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

3. Anh Đào Văn K, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số A ngách A ngõ F, phường P, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Văn G, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số H Y, phường C, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

2. Anh Nguyễn Quang T3, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số A ngõ D đường N, xã S, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

3. Anh Hoàng Văn H2, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số C ngõ A N, phường Y, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

4. Anh Phùng Hùng M, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số nhà G, đường H, phường N, tỉnh Phú Thọ. *Vắng mặt.*

5. Ông Phùng Văn M1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số nhà G, đường H, phường N, tỉnh Phú Thọ. *Vắng mặt.*

6. Anh Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số nhà B ngõ A cụm F, xã H Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

7. Ông Đặng Vũ L1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số nhà B ngõ A cụm F, xã H, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

8. Anh Nguyễn Thái Vinh T4, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ B N, phường L, Thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

9. Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số D phố N, phường H, tỉnh Thanh Hóa. *Vắng mặt.*

10. Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1982; Địa chỉ: P.C1605, chung cư G, số I M, phường T, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

11. Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1993; Địa chỉ: B tòa B, chung cư C, dự án nhà ở thương mại G, TDP số B, phường T, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố:

Trong thời gian tháng 10/2022 đến tháng 3/2023, Đồng Tố V (sinh năm 1994, HKTT: M, Khu đô thị T, phường Y, Thành phố Hà Nội) đã có hành vi nhận bán hộ 03 xe ô tô của các bị hại, có tổng trị giá là 1.904.750.000 đồng; sau khi bán được xe hoặc cầm cố cho người khác để lấy tiền sử dụng và chi tiêu cá nhân, V bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không trả lại xe ô tô, không trả tiền cho các bị

hại. Hành vi phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Đồng Tổ V cụ thể như sau:

1. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G - 864.96 của chị Nguyễn Thị Thu T1 (sinh năm 1996, trú tại: B, tòa B, chung cư I, số D phố M, phường V, Thành phố Hà Nội)

Tháng 10/2022, Đồng Tổ V là cộng tác viên của Z nhóm “Salon VG Auto” chuyên mua bán xe ô tô đã qua sử dụng, địa chỉ B ngõ B phố N, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội. V sử dụng số điện thoại 0899.997.994. Khoảng tháng 10/2022, chị Nguyễn Thị Thu T1 mua xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, màu trắng, BKS: 30G - 864.96 với giá 875.000.000 đồng qua mạng xã hội Facebook, zalo nhóm “Salon VG Auto” do V đứng ra giao dịch bán xe ô tô BKS: 30G - 864.96 và đã làm thủ tục sang tên chủ xe là chị Nguyễn Thị Thu T1.

Khoảng đầu tháng 02/2023, chị T1 không có nhu cầu sử dụng xe ô tô trên nên liên hệ với Đồng Tổ V nhờ bán xe, V đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 06/02/2023, theo hẹn, V đến sảnh D chung cư Imperia Sky G1, số D phố M, Hà Nội gặp chị T1 để xem xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G - 864.96. Tại đây, chị T1 và V thỏa thuận: Giá bán xe ô tô là 815.000.000 đồng, khi khách đồng ý mua xe, V sẽ chuyển khoản trước cho chị T1 100.000.000 đồng tiền đặt cọc, số tiền mua xe còn lại là 715.000.000 đồng V chuyển trả cho chị T1 khi khách thanh toán xong cho V. Chị T1 bàn giao xe ô tô nhãn hiệu Mazda - CX5, BKS: 30G - 864.96 cùng giấy tờ xe gồm: Giấy đăng ký xe ô tô, sổ đăng kiểm xe, sổ bảo hiểm và bản photo Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thu T1 cùng 02 chìa khóa xe cho V để khách xem xe.

Khoảng 20 giờ ngày 06/02/2023, V gọi điện cho anh Nguyễn Quang T3 (sinh năm 1992, trú tại: Số A ngõ D đường N, xã S, Thành phố Hà Nội, số điện thoại 0962.999.292) và nói V đang có khách nhờ bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, đời 2020. Anh T3 giới thiệu để V gọi điện thoại cho anh Lê Văn G (sinh năm 1989, trú tại: Số A, tổ B, phường B, Thành phố Hà Nội) trao đổi việc mua xe. Anh G bảo V mang xe ô tô đến nhà anh G để xem xe. Khoảng 21 giờ 30' cùng ngày 06/02/2023, V điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G - 864.96 đến nhà anh G. Sau khi xem xe, anh G hỏi V về nguồn gốc xe, V cho anh G biết, trước đây V bán cho chị T1 xe ô tô này, nay chị T1 nhờ V bán hộ, xe có đầy đủ giấy tờ. Anh G và V thỏa thuận mua bán xe ô tô BKS: 30G - 864.96 với giá 758.000.000 đồng, hẹn hôm sau kiểm tra xe ở hãng xong sẽ thanh toán tiền và bàn giao xe. Lúc này, anh G gọi điện cho anh T3 rủ góp tiền mua chung xe ô tô BKS: 30G-864.96, anh T3 đồng ý góp 350.000.000 đồng và chuyển trước 50.000.000 đồng vào tài khoản số 19033304010017 của anh Lê Văn G mở tại

ngân hàng T10 để đặt cọc mua xe và hẹn hôm sau sẽ chuyển số tiền còn lại là 300.000.000 đồng góp mua xe cho anh T3. Anh T3 góp 408.000.000 đồng để mua chung xe ô tô BKS: 30G - 864.96. Tiếp đó, anh G bảo V cng cấp số tài khoản của chị T1 để anh G thanh toán chuyển tiền mua xe, V nại ra lý do chị T1 yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản của anh Hoàng Văn H2 (sinh năm 1997, trú tại: Số G ngõ I phố H, Hà Nội), là em họ chị T1 nhưng thực ra anh H2 là hàng xóm của V. V cung cấp số tài khoản của anh H2, tin V, anh Lê Văn G đã 03 lần chuyển tiền vào tài khoản số 076019656888 mang tên Hoàng Văn H2 mở tại ngân hàng M3, với tổng số tiền là 758.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe ô tô BKS: 30G-864.96, gồm: 02 lần chuyển mỗi lần 350.000.000 đồng và 01 lần chuyển 58.000.000 đồng, nội dung chuyển: “*Giang ck mua xe CX5-BKS 30G-86496, tổng 758tr của V*”. Sau khi nhận tiền, anh H2 đã chuyển toàn bộ số tiền 758.000.000 đồng vào tài khoản số 6969666999999 của Đ V mở tại Ngân hàng M3 Chi nhánh Bà T5, nội dung: “*Hoàng Văn H2 chuyển khoản*”. Ngay sau khi nhận tiền mua xe ô tô BKS: 30G - 864.96 của anh G và anh T3, khoảng 22 giờ 27’ cùng ngày 06/02/2023, tại nhà anh G, V gọi điện cho chị T1 nói : “Có khách mua xe và trả đủ tiền nhé”, V không nói cụ thể số tiền, họ tên, địa chỉ người mua xe và chuyển trước 100.000.000 đồng vào tài khoản số 886666622888 của chị Nguyễn Thị Thu T1 mở tại Ngân hàng V1, nội dung: “*Đồng Tổ V chuyển khoản cọc mua xe CX5-30G864.89*”. V hẹn đến ngày 16/02/2023, V sẽ chuyển trả số tiền mua xe còn lại cho chị T1 là 715.000.000 đồng khi khách vay được tiền ngân hàng trả cho V, chị T1 đồng ý. Sau khi nhận tiền mua xe của anh G, V giao xe ô tô Mazda CX5, BKS: 30G - 864.96 cùng giấy tờ gốc cho anh G, nhưng do trời mưa to nên V mượn lại anh G xe ô tô trên để đi về.

Sáng ngày 07/02/2023, V mang giấy bán xe ô tô BKS: 30G - 864.96 đề ngày 06/02/2023 do V soạn sẵn và ký trước vào “*Bên mua*”, với giá bán xe là 815.000.000 đồng, trong đó V đã đặt cọc trước 100.000.000 đồng và đến nhà đưa cho chị T1 để ký vào “*Bên bán*”, nhờ chị T1 đi xin giấy xác nhận tình trạng độc thân tại UBND phường T (cũ) gửi lại cho V. Sau đó, chị T1 đã chụp hình ảnh các giấy tờ trên gửi qua zalo điện thoại cho V để V đứng ra giao dịch bán xe ô tô với khách, còn bản gốc chị T1 giữ. Hiện chị T1 đã để thất lạc bản gốc và cung cấp bản photocopy cho Cơ quan điều tra.

Đến trưa ngày 07/02/2023, anh Nguyễn Quang T3 chuyển khoản tiếp số tiền 300.000.000 đồng cho anh G để góp mua chung xe ô tô như đã thỏa thuận, nội dung: “*T3 chuyển khoản*”, tổng số tiền anh T3 chuyển cho anh G là 350.000.000 đồng.

Khoảng 13 giờ ngày 07/02/2023, V gọi điện cho anh G nói đang có khách hỏi mua xe ô tô BKS: 30G-864.96 với giá 790.000.000 đồng và nếu anh G muốn bán xe, V sẽ đứng ra bán hộ, anh G đồng ý. Anh G bảo V lái xe ô tô BKS: 30G-864.96 về số nhà I phố N, Hà Nội để anh G vệ sinh xe. Đến 16 giờ 30' ngày 07/02/2023, V dẫn anh Đặng Hoàng Đ (sinh năm 1991) cùng ông Đặng Vũ L1 (sinh năm 1964) là bố đẻ anh Đ, cùng trú tại: Số B, ngõ A, cụm F, xã Ô, Hà Nội, đến số I phố N, Hà Nội gặp anh G để xem xe. Tại đây, anh G và anh Đ thỏa thuận giá bán xe ô tô BKS: 30G-864.96 là 785.000.000 đồng và đồng ý để V đứng ra giao dịch, nhận tiền thanh toán, làm các thủ tục giấy tờ mua bán, đăng ký sang tên xe ô tô BKS: 30G-864.96 cho anh Đ, xong việc anh G sẽ trả công giới thiệu khách cho V là 5.000.000 đồng. Anh Đ đã chuyển trước 10.000.000 đồng vào tài khoản số 6969666999999 của Đ V mở tại Ngân hàng M3 Chi nhánh Bà T5, nội dung: “*Đặng Hoàng H3 chuyển khoản đặt cọc xe CX5 30G-86496*”, hẹn hôm sau cùng V đi kiểm tra xe ô tô ở hãng M sẽ thanh toán tiền mua bán xe.

Khoảng trưa ngày 08/02/2023, sau khi V cùng anh G, anh Đ đi kiểm tra xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96, anh Đ đồng ý mua xe và 02 lần chuyển khoản 500.000.000 đồng cho Đồng Tổ V, gồm: lần 1 chuyển 200.000.000 đồng và lần 2 chuyển 300.000.000 đồng, nội dung: “*Đặng Hoàng H3 chuyển tiền xe CX5 30G-86496*”. Số tiền mua xe còn lại anh Đ sẽ thanh toán sau khi V hoàn tất thủ tục ký hợp đồng công chứng mua bán và sang tên đăng ký chủ xe là ông Đặng Vũ L1 (do anh Đ nhờ ông L1 đứng tên). Anh G đồng ý và giao xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G - 864.96 cho anh Đ, anh G giữ lại bản gốc giấy tờ xe. Sau khi nhận tiền từ anh Đ, V chuyển 300.000.000 đồng vào tài khoản của anh T3, sau đó anh T3 đã chuyển 300.000.000 đồng vào tài khoản của anh Lê Văn G, nội dung: “*Ck*”, số tiền còn lại là 210.000.000 đồng, V tự giữ lại sử dụng cá nhân. Cùng ngày 08/02/2023, V gọi điện thoại đến số 098.1146769 (do anh G cung cấp) của một người đàn ông tên “T2” (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) để nhờ làm 02 bộ Hợp đồng công chứng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96 gửi kèm các giấy tờ liên quan. “T2” gọi điện thoại cho Phùng Hùng M (sinh năm 1995, trú tại: Số G đường H, phường V, tỉnh Phú Thọ) là nhân viên Văn phòng C3, để nhờ M làm công chứng 02 bộ Hợp đồng mua bán xe ô tô BKS: 30G - 864.96. M đồng ý. Khoảng chiều cùng ngày 08/02/2023, M nhận hồ sơ giấy tờ và thông tin chỉ dẫn do “T2” gửi qua xe khách đến Văn phòng C3 ở địa chỉ: Số B Đại lộ H, phường N, tỉnh Phú Thọ. M soạn thảo 02 bộ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96 đề ngày 30/12/2022 giữa Bên bán là chị Nguyễn

Thị Thu T1 cùng chồng là Hoàng Minh K1 với Bên mua là anh Nguyễn Quốc H4; Hợp đồng mua bán xe ô tô BKS: 30G-864.96 đề ngày 08/02/2023 giữa Bên bán là anh Nguyễn Quốc H4 và vợ là chị Vy Ngọc K2 với Bên mua là ông Đặng Vũ L1. Sau đó, M gửi 02 bộ Hợp đồng mua bán xe ô tô trên qua xe khách về Thành phố Hà Nội cho “T2”, để “T2” mang cho các Bên mua và Bên bán ghi trên hợp đồng ký. M không biết quá trình “T2” thực hiện ký hợp đồng. M không quen biết Đồng Tố V và những người có tên ghi trong hợp đồng mua bán xe ô tô.

Khoảng sáng ngày 09/02/2023, “T2” gửi lại qua xe khách đến Văn phòng C3 cho M 02 bộ Hợp đồng mua bán xe ô tô BKS: 30G-864.96 (đã có chữ ký của Bên mua và Bên bán) và 01 phong bì bên trong có 400.000 đồng để trả tiền lệ phí công chứng hợp đồng. Đến trưa cùng ngày 09/02/2023, khi ông Phùng Văn M1 (sinh năm 1959) là công chứng viên và là bố đẻ của M về Văn phòng C3, M đưa cho ông M1 02 bộ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda- CX5, BKS: 30G-864.96 đã có sẵn chữ ký của Bên mua và Bên bán để ông M1 ký xác nhận công chứng do M tiếp nhận của khách hàng vào buổi sáng tại văn phòng. M cho ông M1 biết M đã trực tiếp kiểm tra, đối chiếu đầy đủ bản gốc Căn cước công dân của các bên, giấy tờ chứng minh chủ sở hữu xe ô tô ghi trong các Hợp đồng mua bán xe ô tô tại văn phòng công chứng. Tin M2, ông M1 đã ký dưới mục “Công chứng viên” vào 02 bộ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96 (gồm 8 bản) và đưa lại cho M2 để vào sổ đăng ký công chứng, đóng dấu xác nhận của Văn phòng C3. Sau đó, M2 chuyển qua xe khách ra Hà Nội cho “T2” 02 bộ Hợp đồng công chứng mua bán xe ô tô BKS: 30G-864.96. “T2” chuyển lại cho Đồng Tố V. V chuyển lại 02 bộ Hợp đồng mua bán xe ô tô BKS: 30G-864.96 đã có xác nhận của Văn phòng C3 cho người phụ nữ tên “B” làm dịch vụ sang tên đổi chủ xe ô tô (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, không lưu số điện thoại) để nộp hồ sơ làm thủ tục sang tên ô tô BKS: 30G-864.96 cho ông Đặng Vũ L1 tại Đ2 - Công an huyện Đ (cũ), Thành phố Hà Nội.

Sau khi V nhận giấy hẹn sang tên đăng ký do “Bích” chuyển, khoảng 16 giờ ngày 09/02/2023, V đưa giấy hẹn này cho anh Đ và yêu cầu anh Đ thanh toán số tiền mua xe còn lại cho V. Theo yêu cầu của V, anh Đ đồng ý và chuyển 286.500.000 đồng vào tài khoản số 1686886866 của anh T3 mở tại ngân hàng T10, trong đó chuyển: 285.000.000 đồng tiền mua xe và 11.500.000 đồng tiền phí dịch vụ sang tên, nội dung: “*Diệp chuyển*”. Anh T3 chuyển khoản lại 286.500.000 đồng cho anh G, nội dung: “*Thịnh chuyển*”. V nói với anh T3, do có việc gấp nên hẹn vài hôm sau sẽ thanh toán trả số tiền bán xe còn thiếu cho anh T3, anh T3 đồng ý. Sau khi nhận được 586.500.000 đồng tiền thanh toán

bán xe ô tô từ Đ, cùng ngày 09/02/2023, anh G đã chuyển khoản trả lại 153.350.000 đồng cho anh T3, trong đó có: 150.000.000 đồng tiền góp mua xe và 3.350.000 đồng tiền lãi bán xe, nội dung: “*Giang chuyển*”. Về số tiền anh T3 góp mua xe còn thiếu là 198.500.000 đồng, V sẽ có trách nhiệm trả cho anh T3 vì anh T3 đồng ý cho V nợ. Anh G giữ lại 433.150.000 đồng, gồm: 408.000.000 đồng tiền góp mua xe và 25.150.000 đồng tiền lãi bán xe.

Tổng cộng, Đồng Tổ V đã nhận của anh Đặng Hoàng Đ số tiền 796.500.000 đồng, gồm: 785.000.000 đồng để mua xe và 11.500.000 đồng phí dịch vụ sang tên. Số tiền này, V chuyển lại 586.500.000 đồng cho anh T3 và anh G, V tự giữ lại 210.000.000 đồng để sử dụng đầu tư “tiền ảo” và bị thua lỗ hết. Do không có khả năng trả lại tiền cũng như trả lại xe ô tô cho chị T1, Đồng Tổ V đã bỏ trốn vào thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, thuê trọ ở nhiều nơi, không ở cố định và tắt máy điện thoại, không liên lạc. Anh G, anh T3 không biết việc V và những người liên quan trên đã làm thủ tục hợp đồng công chứng mua bán và sang tên xe ô tô, bản thân V cũng không trao đổi lại. Ngày 13/02/2023, anh Đ đến Đội Cảnh sát giao thông trật tự - Công an huyện Đ (cũ) nhận giấy đăng ký xe ô tô BKS: 30G-864.96 mang tên chủ xe là Đặng Vũ L1. Hiện anh Đ là người quản lý và sử dụng xe ô tô trên.

Theo hẹn, anh T3 và anh G nhiều lần gọi điện thoại cho V để đòi lại số tiền bán xe ô tô còn thiếu, V tắt máy điện thoại không liên lạc được và không trả lại tiền. Anh G và anh T3 không biết nơi ở và nơi làm việc của V. Đến ngày 16/02/2023, V không trả tiền đã bán xe ô tô BKS: 30G-864.96 cũng như không trả lại xe ô tô cho chị T1 như đã hứa hẹn, chị T1 gọi điện thoại cho V nhiều lần nhưng không liên lạc được. Nghi vấn V đã lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô, ngày 20/02/2023, chị T1 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận H (cũ), Thành phố Hà Nội tố cáo hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô của Đồng Tổ V. Đồng thời, chị T1 đến Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố H đề nghị ngăn chặn ngừng sang tên đổi chủ xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS 30G-864.96 và được biết xe ô tô này đã sang tên người khác.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho chị Nguyễn Thị Thu T1, anh Nguyễn Quang T3, Lê Văn G, anh Đặng Hoàng H3 và ông Đặng Vũ L1 nhận dạng ảnh của Đồng Tổ V. Kết quả điều nhận ra Đ V là người đứng ra giao dịch, nhận tiền mua bán và làm thủ tục giấy tờ liên quan đến xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96.

Khoảng tháng 3/2023, sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, lúc này anh P Hùng M và ông Phùng Văn M1 được biết xe ô tô nhãn hiệu Mazda- CX5, BKS: 30G- 864.96 do Văn phòng C3 ký xác nhận công chứng hợp đồng mua bán là xe

ô tô do Đồng Tổ V đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu T1 để bán lại cho ông Đặng Vũ L1, sau đó V không trả lại tiền bán xe cho chị T1 và bỏ trốn. Nhận thấy việc làm thủ tục công chứng các Hợp đồng mua bán xe ô tô Mazda CX5, BKS: 30G-864.96 của Văn phòng C3 không đúng quy định, ông M1 và anh M đã hẹn gặp ông Đặng Vũ L1 và anh Đặng Hoàng Đ (là người mua xe) để trao đổi, thỏa thuận giải quyết khắc phục hậu quả về xe ô tô BKS: 30G-864.96 mà Đồng Tổ V đã chiếm đoạt để các bên liên quan không khiếu kiện Văn phòng C3.

Sau đó, anh Phùng Hùng M liên hệ đến nhà gặp chị Nguyễn Thị Thu T1 trao đổi mua lại xe ô tô Mazda CX5, BKS: 30G-864.96 để giao cho ông Đặng Vũ L1 (hiện đứng tên đăng ký chủ xe), chị T1 đồng ý. Sau khi hai bên thỏa thuận và thống nhất giá mua bán xe ô tô, anh M đã chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền mua xe ô tô trên cho chị T1 với giá là 710.000.000 đồng và 45.000.000 đồng tiền bồi thường tổn thất, hai bên có ký giấy xác nhận tiền mua xe ô tô BKS: 30G-864.96 đề ngày 09/3/2023. Chị T1 cam kết không khiếu kiện Văn phòng C3.

Ngày 05/9/2023, anh Đặng Hoàng Đ đã tự nguyện giao nộp xe ô tô Mazda CX5, BKS: 30G-864.96 cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận H (cũ), Thành phố Hà Nội.

Ngày 15/12/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận H (cũ), Thành phố Hà Nội đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96 cho chị Nguyễn Thị Thu T1 là chủ sở hữu hợp pháp. Sau khi nhận lại xe, theo thỏa thuận trước đó với anh M, chị T1 đã bàn giao ô tô BKS: 30G-864.96 cho anh M, anh M giao lại xe ô tô cho anh Đặng Hoàng Đ; các bên đã ký Hợp đồng công chứng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96 đề ngày 16/3/2024 giữa Bên bán là chị Nguyễn Thị Thu T1 với Bên mua là anh Phùng Hùng M và Hợp đồng công chứng mua bán xe ô tô đề ngày 17/8/2024 giữa Bên bán là anh Phùng Hùng M với Bên mua là ông Đặng Vũ L1, do ông Phùng Văn M1 - Công chứng viên của Văn phòng C3 ký, đóng dấu xác nhận. Đồng thời, chị T1 và anh Đ gửi Cơ quan điều tra giấy cam kết đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự, không yêu cầu bồi thường về dân sự đối với nhân viên, công chứng viên của Văn phòng C3, do anh M đã khắc phục toàn bộ hậu quả, tự bỏ tiền cá nhân là số tiền 755.000.000 đồng mua lại xe ô tô BKS: 30G - 864.96 của chị T1 để trả lại cho anh Đ. Hiện anh Đ quản lý và sử dụng xe ô tô trên.

Do Đồng Tổ V bỏ trốn, ngày 12/9/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận H đã ra Quyết định truy nã số 3577 đối với bị cáo Đồng Tổ V. Ngày

26/9/2024, Đồng Tổ V bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H bắt theo quyết định truy nã tại phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Xác minh về những người liên quan ký tên “Bên mua, Bên bán” trong 02 bộ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G - 864.96 do Văn phòng C3, tỉnh Phú Thọ ký, đóng dấu xác nhận công chứng:

- Công an phường P, quận L (cũ), Thành phố Hà Nội và Công an phường V, quận H (cũ), Thành phố Hà Nội cung cấp: Anh Hoàng Minh K1 (sinh năm 1984) có đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên, đến năm 2022, anh K1 đã chuyển nhà đi nơi khác sinh sống, địa phương không biết nơi ở và nơi làm việc của anh K1. Tại địa chỉ: B, tòa B, chung cư I, số D phố M, Thành phố Hà Nội chỉ có chị Nguyễn Thị Thu T1 (sinh năm 1996) sinh sống và chưa đăng ký kết hôn, không có người tên Hoàng Minh K1 ở tại địa chỉ trên.

- Anh Nguyễn Quốc H4 (sinh năm 1990) và vợ là Vy Ngọc K2 (sinh năm 1990) trú tại: Khu C, xã H, tỉnh Phú Thọ khai: Anh H4 và chị K2 không ký các giấy tờ, hợp đồng mua bán liên quan đến xe ô tô BKS: 30G - 864.96, không quen biết người tên Đồng Tổ V, Phùng Hùng M.

* Xác minh về xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G - 864.96 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cung cấp: Chủ đăng ký xe ô tô cấp lần đầu ngày 20/01/2021 là chị Nguyễn Thị H5 (sinh năm 1984, HKTT: Xóm C, xã H, huyện M, Hà Nội). Đến ngày 13/5/2022, chị H5 bán xe ô tô và làm thủ sang tên đăng ký chủ xe là anh Trần Văn B1 (sinh năm 1986, HKTT: Thôn T, xã T, huyện M, Hà Nội). Ngày 31/10/2022, anh B1 bán lại xe ô tô BKS: 30G - 864.96 và làm thủ tục sang tên đăng ký chủ xe cho chị Nguyễn Thị Thu T1 (HKTT: B2105 - B chung cư I.S.Garden, số D M, phường V, quận H, Hà Nội). Sau đó, chị T1 đã bán xe ô tô BKS: 30G - 864.96 và làm thủ tục sang tên, đăng ký chủ xe là ông Đặng Vũ L1 (HKTT: Cụm F, xã T, huyện Đ, Hà Nội) tại Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/2/2023.

* Xác minh về đối tượng tên “T2”, sử dụng số điện thoại 0981146769 là người gọi điện cho M nhờ làm công chứng 02 hợp đồng mua bán xe ô tô Mazda CX5, BKS: 30G-864.96. V, anh G, anh M không biết thông tin, địa chỉ cụ thể của T2. Cơ quan điều tra đã yêu cầu Tập đoàn C4 cung cấp thông tin về chủ thuê bao số điện thoại trên, chưa có kết quả trả lời.

* Tại Bản kết luận giám định số 4455 ngày 17/08/2023 của Phòng K3 - Công an Thành phố H kết luận:

- *Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết dòng họ tên “Nguyễn Thị Thu T1”, “Đặng Vũ L1” dưới chữ ký mục “Bên A”, “Bên B” trên các tài liệu: Hợp*

đồng công chứng mua bán xe ô tô đề ngày 30/12/2022 ký giữa Bên bán là Nguyễn Thị Thu T1, Hoàng Minh K1 với Bên mua là Nguyễn Quốc H4; Hợp đồng công chứng mua bán xe ô tô đề ngày 08/02/2023 ký giữa Bên bán là Nguyễn Quốc H4 với Bên mua là Đặng Vũ L1 (Ký hiệu A1-2), so với mẫu chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thị Thu T1 và ông Đặng Vũ L1 có phải chữ do cùng một người ký và viết ra hay không; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên “Nguyễn Quốc H4”, “Vy Ngọc K2” dưới chữ ký mục “Bên B”, “Bên A” trên các tài liệu (Ký hiệu A1-2), so với mẫu chữ ký, chữ viết của Nguyễn Quốc H4 và Vy Ngọc K2 không phải là chữ do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký đứng tên “Phùng Văn M1” dưới mục “Công chứng viên” trên các tài liệu (Ký hiệu A1-2), so với mẫu chữ ký của Phùng Văn M1 là chữ do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HÙNG MINH” trên các tài liệu (Ký hiệu A1-2), so với hình dấu tròn do “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HÙNG MINH” cung cấp do cùng một con dấu đóng ra.

** Tại Bản kết luận giám định số 6257 ngày 21/9/2023 của Phòng K3 - Công an Thành phố H kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5 màu trắng đeo BKS: 30G-864.96 có số khung, số máy là số nguyên thủy.*

** Tại Bản kết luận định giá tài sản số 196 ngày 25/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận H, Thành phố Hà Nội kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5 màu trắng, BKS: 30G-864.96 có giá trị tài sản là 730.000.000 đồng.*

Như vậy, Đồng Tố V đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96 của chị Nguyễn Thị Thu T1 có giá trị là 730.000.000 đồng, sau đó bỏ trốn. Xe ô tô đã được Cơ quan điều tra thu hồi, trả lại cho bị hại.

Đối với anh Phùng Hùng M và ông Phùng Văn M1 (là nhân viên và công chứng viên của Văn phòng C3, tỉnh Phú Thọ) đã thực hiện ký xác nhận công chứng 02 Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96 do bị cáo Đồng Tố V nhờ “T2” thuê làm hộ, thực hiện không đúng trình tự thủ tục công chứng quy định tại Điều 48 Luật Công chứng: *người xin xác nhận không đúng đối tượng, không kiểm tra đối chiếu giấy tờ cá nhân, giấy tờ xe không có bản gốc, khi xác nhận công chứng không chứng kiến bên bán và bên mua trực tiếp ký vào các bản Hợp đồng mua bán xe ô tô, dẫn đến việc bị cáo Đồng Tố V sử dụng các hợp đồng này để gian dối chiếm đoạt xe ô tô của chị Nguyễn Thị Thu T1 bán cho người khác. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định, ông M1 và anh M không biết xe ô tô trên là tài sản do người khác phạm tội mà có, không quen biết Đồng Tố V, không biết chữ ký của bên mua và bên bán là*

giả, không được hưởng lợi từ việc làm thủ tục công chứng không đúng quy định. Sau khi Cơ quan điều tra thu hồi, trả lại xe ô tô cho chị T1, ông M1 và anh M đã tự bỏ tiền cá nhân là 755.000.000 đồng trả cho chị T1 để mua lại xe ô tô BKS: 30G-864.96 và bàn giao lại xe ô tô cho ông Đặng Vũ L1 (là người mua xe ô tô của Đồng Tổ V). Chị T1, anh Đ và ông L1 không yêu cầu, không khiếu kiện đối với ông M1 và anh M. Do vậy, không đủ cơ sở xác định Phùng Hùng M và Phùng Văn M1 có hành vi đồng phạm với bị cáo Đồng Tổ V để chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96, hiện đã khắc phục toàn bộ hậu quả vụ án do bị cáo V gây ra, nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phùng Văn M1 và Phùng Hùng M.

Ngày 24/3/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H đã có Công văn số 4257 gửi Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ đề nghị xem xét, xử phạt hành chính đối với ông Phùng Văn M1 - công chứng viên Văn Phòng C3, địa chỉ đăng ký tại Số B đường H, phường N, tỉnh Phú Thọ về hành vi sai phạm trong việc thực hiện thủ tục công chứng hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96, không đúng quy định của Luật Công chứng.

Đối với Hoàng Văn H2 là người nhận và chuyển khoản lại số tiền 758.000.000 đồng cho Đồng Tổ V do V nhờ, qua điều tra xác định, anh H2 không biết về nguồn gốc số tiền nhận hộ, không liên quan đến việc mua bán xe ô tô BKS: 30G - 864.96, không hưởng lợi, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Quang T3, Lê Văn G, Đặng Hoàng H3 và Đặng Vũ L1 là những người giao dịch mua, bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96 với Đồng Tổ V, qua điều tra xác định những người này không biết xe ô tô trên là do V phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên “T2” và “Bích”, theo lời khai của bị cáo Đồng Tổ V là những người Đồng Tổ V nhờ làm thủ tục công chứng các hợp đồng mua bán và đăng ký sang tên chủ xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G-864.96. Đến nay, Cơ quan điều tra không xác định được thông tin họ tên, địa chỉ cụ thể của những người này để điều tra nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu T1 không yêu cầu bị cáo Đồng Tổ V bồi thường về dân sự.

Anh Nguyễn Quang T3 không yêu cầu Đ V hoàn trả lại số tiền còn thiếu là 198.500.000 đồng do V đã chiếm đoạt khi bán xe ô tô cho anh T3.

Anh Phùng Hùng M và ông Phùng Văn M1 không yêu cầu Đồng Tổ V phải hoàn trả lại số tiền 755.000.000 đồng do họ đã tự nguyện trả cho chị T1 để mua xe ô tô, trả cho anh Đặng Hoàng Đ.

2. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos, BKS: 30H-436.92 của anh Phạm Như T2 (sinh năm 1983, trú tại: Chung cư C, xã S, Thành phố Hà Nội).

Ngày 06/02/2023, do không có nhu cầu sử dụng xe, anh Phạm Như T2 đã mang xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos, BKS: 30H-436.92 đến Gara ô tô V2, địa chỉ: B N, phường Y, Thành phố Hà Nội giao cho Đồng Tố V để nhờ bán hộ xe, có ký hợp đồng ký gửi và giao xe ô tô. Ngày 07/02/2023, V nói với anh T2 đã có khách đồng ý mua xe ô tô BKS: 30H-436.92 của anh T2 với giá 675.000.000 đồng (không nói họ tên, địa chỉ người mua) và chuyển trước 10.000.000 đồng tiền đặt cọc cho anh T2 đến số tài khoản 22210000709720 mở tại Ngân hàng B2. V hẹn đến ngày 13/02/2023 khách sẽ trả tiếp 100.000.000 đồng và ngày 13/02/2023 sẽ làm thủ tục sang tên xe cho khách và nhận số tiền mua xe ô tô còn lại của khách chuyển cho anh T2. Anh T2 đồng ý nhờ V đứng ra giao dịch mua bán xe ô tô BKS: 30H-436.92 trên. Tuy nhiên, ngày 08/02/2023, do cần tiền để đầu tư “tiền ảo”, Đồng Tố V đã liên hệ, gọi điện cho người quen là anh Nguyễn Thái Vinh T4 (sinh năm 1985, HKTT: Tổ B N, phường B, Thành phố Hà Nội - là chủ Gara ô tô Auto, địa chỉ: Số F P, phường T, Hà Nội) bán xe ô tô Kia Seltos, BKS: 30H-436.92 với giá 640.000.000 đồng, anh T4 chuyển trước 320.000.000 đồng cho Đồng Tố V vào tài khoản trên để mua xe, số tiền còn lại sẽ trả khi làm thủ tục sang tên, không viết giấy mua bán xe. Ngày 10/02/2023, theo hẹn, Đ V gặp anh T2 trước sảnh tòa nhà chung cư Hồ Gươm P1, số A T, phường H, Hà Nội để đưa tiếp cho anh T2 100.000.000 đồng tiền mua xe và yêu cầu anh T2 viết Giấy bán xe ô tô BKS: 30H-436.92 cho Đồng Tố V cùng bản gốc các giấy tờ gồm: giấy đăng ký, sổ bảo hiểm xe, giấy đăng kiểm xe ô tô đứng tên Nguyễn Thị Hương T6 (sinh năm 1989, là vợ của anh T2), bản photo Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu, Giấy đăng ký kết hôn để thuận tiện làm thủ tục sang tên và nhận số tiền mua xe còn lại từ khách hàng như đã thỏa thuận. Cùng ngày 10/02/2023, Đồng Tố V mang xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos, BKS: 30H-436.92 đến gara ô tô V2, địa chỉ: Số F P, phường T, Hà Nội bàn giao cho anh Nguyễn Thái Vinh T4 cùng giấy tờ xe trên, anh T4 đã thanh toán chuyển khoản số tiền mua xe ô tô còn lại cho V là 320.000.000 đồng. Tổng cộng V đã nhận của anh T4 tiền mua bán xe ô tô là 640.000.000 đồng. Anh T4 giao xe ô tô BKS: 30H-436.92 cho nhân viên gara là anh Quách Công U (sinh năm 1992) đăng tin rao bán trên mạng xã hội facebook cho khách có nhu cầu. Sau khi nhận tiền từ anh T4, V đã chiếm đoạt sử dụng để đầu tư “tiền ảo” và bị thua lỗ hết, không thanh toán trả lại số tiền bán hộ xe còn lại cho anh T2 là 565.000.000 đồng.

Quá hẹn, ngày 17/02/2023, không thấy V chuyển trả tiền thanh toán bán hộ xe ô tô BKS: 30H-436.92 như đã hứa hẹn, anh T2 gọi điện cho Đ V nhưng V tắt máy điện thoại, không gặp, không liên lạc được. Anh T2 liên hệ với số điện thoại đăng tin rao bán và được biết V đã bán xe ô tô BKS: 30H-436.92 cho gara ô tô Auto tại Số F P, phường T, Hà Nội. Ngày 19/02/2023, anh Phạm Như T2 đã đến Công an phường D, quận C (cũ), Thành phố Hà Nội tố cáo Đồng Tố V về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô BKS: 30H-436.92.

Đến ngày 17/5/2024, anh Phạm Như T2 tình cờ phát hiện thấy xe ô tô BKS: 30H- 436.92 của anh T2 đang di chuyển đến bãi xe ở địa chỉ số I phố T, phường C, Thành phố Hà Nội, nên anh T2 đã báo cho Công an phường D (cũ) để giải quyết. Cùng ngày, anh Nguyễn Thái Vinh T4 đã tự nguyện giao nộp xe ô tô BKS: 30H-436.92 cho cơ quan Công an.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 86 ngày 23/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận C (cũ), Thành phố Hà Nội, kết luận: *Xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos, BKS: 30H-436.92 trị giá là 640.700.000 đồng.*

* Tại Bản kết luận giám định số 4679 ngày 27/6/2024 của Phòng K3 - Công an Thành phố H, kết luận: *Xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos, BKS: 30H-436.92, có số khung, số máy là số nguyên thủy.*

* Tại Bản kết luận giám định số 6364 ngày 25/9/2025 của Phòng K3 - Công an Thành phố H, kết luận: *Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phạm Như T2 dưới mục “Người bán” và “Bên bán” trên tài liệu Giấy bán xe ô tô đề ngày 10/01/2023 (Ký hiệu A) là do Phạm Như T2 ký và viết ra; Chữ viết phần nội dung, chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đồng Tố V dưới mục “Người mua” và “Bên mua” trên tài liệu Ký hiệu A, là do Đồng Tố V viết và ký ra.*

Quá trình điều tra, bị cáo Đồng Tố V đã khai nhận hành vi gian dối, chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos, BKS: 30H-436.92 của anh Phạm Như T2. Đến nay, anh Phạm Như T2 và anh Nguyễn Thái Vinh T4 đã tự thỏa thuận về dân sự, anh T4 đồng ý trả lại xe ô tô BKS: 30H-436.92 mua của Đ V và anh T2 giao lại số tiền 110.000.000 đồng đã nhận bán xe ô tô từ V (có ký giấy biên nhận tiền đề ngày 16/6/2024). Số tiền còn lại V chiếm đoạt của anh T4 là 530.000.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận C (cũ), Thành phố Hà Nội đã bàn giao xe ô tô BKS: 30H-436.92 cho anh Phạm Như T2 là chủ sở hữu hợp pháp.

Như vậy, Đồng Tố V đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos, BKS: 30H-436.92 của anh Phạm Như T2 trị giá là 640.700.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thái Vinh T4 là người mua xe ô tô Kia Seltos, BKS: 30H-436.92 của Đồng Tổ V, qua điều tra xác định T4 không biết xe ô tô trên do V phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Như T2 đã nhận lại xe ô tô BKS: 30H-436.92 và không yêu cầu, đề nghị bồi thường về dân sự. Anh Nguyễn Thái Vinh T4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Đồng Tổ V hoàn trả số tiền còn chiếm đoạt là 530.000.000 đồng.

3. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet BKS: 36A-794.09 của anh Đào Văn K (sinh năm 1991, trú tại: Số A ngách A ngõ F, phường P, Thành phố Hà Nội).

Ngày 29/3/2021, anh Nguyễn Hoàng A (sinh năm 1982, trú tại: P.C1605, chung cư G, số I M, phường T, Thành phố Hà Nội) mua xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic, BKS: 30E-785-99 của anh Đinh Mạnh C2 (sinh năm 1976, HKTT: Thôn K, xã Đ, Thành phố Hà Nội) để sử dụng đi lại, có viết giấy mua bán xe nhưng không làm thủ tục sang tên, đăng ký chủ xe là Đinh Mạnh C2. Khoảng tháng 01/2023, anh Nguyễn Hoàng A đem xe ô tô Honda Civic BKS: 30E-785-99 cùng giấy tờ xe đến gara ô tô VG Auto, địa chỉ: B ngõ B phố N, phường Y, Thành phố Hà Nội, ủy quyền cho anh Đào Văn K là cộng tác viên của nhóm zalo “S”, bán giúp xe ô tô trên. Sau đó, anh K đăng tin rao bán xe ô tô BKS: 30E-785-99 trên mạng xã hội facebook qua nhóm “Honda Civic Việt Nam” cho khách có nhu cầu. Ngày 15/02/2023, anh Nguyễn Hoài N (sinh năm 1997, trú tại: Số D phố N, phường H, tỉnh Thanh Hóa) gọi điện cho anh K đề nghị giao dịch đổi xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, BKS: 36A-794.09 đăng ký chủ xe là Nguyễn Hoài N với giá 557.000.000 đồng lấy xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic, BKS: 30E-785-99 (mà anh Hoàng A nhờ anh K bán hộ) với giá 592.000.000 đồng, anh N phải trả thêm số tiền chênh lệch mua bán xe ô tô là 35.000.000 đồng. Anh K gọi điện cho anh Hoàng A hỏi có bán xe ô tô Honda Civic BKS: 30E-785-99 cho khách mua với giá 570.000.000 đồng không? Anh Hoàng A đồng ý nhờ anh K đứng ra giao dịch bán giúp xe trên. Cùng ngày 15/02/2023, anh K rủ Đồng Tổ V (là bạn) và điều khiển xe ô tô BKS: 30E-785-99 từ Thành phố Hà Nội đến điểm hẹn là Hãng ô tô H6 gặp anh Nguyễn Hoài N để giao dịch mua bán xe ô tô. Tại đây, anh N chuyển cho anh K số tiền 33.500.000 đồng, giao xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic BKS: 30E-785.99 cùng giấy tờ xe gốc cho anh K, đồng thời anh K giao lại xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, BKS: 36A-794.09 cùng giấy tờ xe gốc cho anh N như đã thỏa thuận (có viết Giấy bán xe ô tô Kia Sonet, BKS: 36A-794.09 đề ngày 15/02/2023 với giá 557.000.000 đồng - *anh N ký Bên bán, anh K ký Bên mua*). Sau khi giao dịch xong, anh K nhờ Đồng Tổ V

điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, BKS: 36A-794.09 chở về nhà tại số A ngõ F P, phường T, Thành phố Hà Nội. Lúc này khoảng 23 giờ cùng ngày 15/02/2023, V mượn xe ô tô trên của anh K để đi về nhà, anh K đồng ý và đưa giấy tờ xe cho V, V hẹn ngày hôm sau sẽ mang xe ô tô đến gara VG Auto trả cho anh K.

Sáng ngày 16/02/2023, do cần tiền, Đồng Tố V đăng tin trên mạng xã hội facebook rao bán xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, BKS: 36A-794.09, khi đó, anh Nguyễn Văn Đ1 (sinh năm 1993, trú tại: B1807 tòa B, chung cư C, dự án nhà ở thương mại G, TDP số B, phường T, Thành phố Hà Nội) đã liên hệ, gọi điện cho Đ V hỏi mua xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet BKS: 36A-794.09 và yêu cầu đem xe đến bãi xe tại số G N, phường Y, Thành phố Hà Nội để giao dịch mua bán. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày 16/02/2023, Đ V điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet BKS: 36A-794.09 đến bãi xe gặp anh Nguyễn Văn Đ1, sau khi kiểm tra xe và giấy tờ, V cam kết xe ô tô trên là do V mua lại của khách nên anh Đức tin T7 và đồng ý mua xe ô tô BKS: 36A-794.09 với giá 550.000.000 đồng. Tại đây, anh Đ1 đã chuyển khoản trả trước vào tài khoản số 6969666999999 của V mở tại Ngân hàng M3, số tiền 450.000.000 đồng, nội dung: “*Nguyễn Văn Đ1 chuyển tiền mua xe 36A-794.09*”, V giao xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet BKS: 36A-794.09 cùng giấy tờ xe (bản gốc) cho anh Đ1 và hẹn đến ngày 19/02/2023 làm thủ tục sang tên sẽ nhận số tiền mua xe ô tô còn lại là 100.000.000 đồng, hai bên ký Giấy bán xe ô tô và Biên bản nhận tiền đề ngày 16/02/2023 (*V ký Bên bán, anh Đ1 ký Bên mua*). Đến ngày 17/02/2023, anh K không thấy Đồng Tố V mang xe ô tô Kia Sonet BKS: 36A-794.09 đến trả cho anh K, anh K gọi điện thoại cho V nhưng không liên lạc được, anh K đi tìm và phát hiện xe ô tô BKS: 36A-794.09 đang để tại bãi xe của anh Đ1, anh Đào Văn K đã đến Công an phường T, quận C (cũ), Thành phố Hà Nội trình báo sự việc.

Ngày 17/4/2023, anh Đào Văn K gửi đơn đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận C (cũ), Thành phố Hà Nội xin rút đơn tố giác Đồng Tố V về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet BKS: 36A-794.09, với lý do gia đình V đã liên hệ bồi thường thiệt hại cho anh K, hai bên tự giải quyết, anh K không yêu cầu V bồi thường về dân sự.

* Tại Bản kết luận định giá số 275 ngày 21/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS quận C (cũ), Thành phố Hà Nội, kết luận: *Xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, màu trắng, BKS: 36A-794.09, số khung: RNYXB54C0NC268153, số máy: G4FLNV295090, có trị giá là 534.050.000 đồng.*

Ngày 15/12/2025, sau khi được Cơ quan điều tra cho biết xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, BKS: 36A-794.09 là tang vật chứng của vụ án, anh Nguyễn Văn Đ1

đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: Xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, màu trắng, không đeo biển kiểm soát, có số khung: RNYXB54C0NC268153, số máy: G4FLNV295090.

* Tại Bản kết luận giám định số 9029 ngày 25/12/2025 của Phòng K3 - Công an Thành phố H, kết luận: *Xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, màu trắng, không đeo biển kiểm soát, có số khung, số máy trên là số nguyên thủy.*

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Đồng Tố V khai: Ngày 16/02/2023, sau khi mượn xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, BKS: 36A-794.09 của anh Đào Văn K để đi về nhà. Do cần tiền để sử dụng cá nhân, V đã mang xe ô tô trên đi cầm cố cho anh Nguyễn Văn Đ1 để vay số tiền 450.000.000 đồng, anh Đ1 yêu cầu V phải viết giấy bán xe ô tô BKS: 36A-794.09 với giá 550.000.000 đồng, nếu đến hạn V không trả tiền, anh Đ1 sẽ bán xe ô tô cho người khác. Sau khi nhận tiền của anh Đ1, V đã rút tiền mặt để chuyển đầu tư “tiền ảo” và bị thua lỗ hết. Sau đó, V cắt liên lạc với anh K, anh Đ1 bỏ trốn vào TP Hồ Chí Minh để chiếm đoạt tài sản.

Sau khi gửi đơn tố giác, anh K đã mua lại của anh Nguyễn Hoài N xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, BKS: 36A-794.09, có viết giấy bán xe ô tô đề ngày 15/02/2023 với giá 557.000.000 đồng (*anh K ký Bên mua, anh N ký Bên bán*). Đến nay, giữa anh Đào Văn K và anh Nguyễn Văn Đ1, gia đình V đã tự thỏa thuận về dân sự. Anh K không yêu cầu về dân sự đối với Đ V và đề nghị Cơ quan điều tra trả xe ô tô trên cho anh Nguyễn Văn Đ1. Hiện xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet đã sang tên mang BKS: 30K-228.76, đăng ký chủ xe là anh Nguyễn Văn Đ1. Anh Đ1 đang quản lý, sử dụng xe ô tô, không yêu cầu đề nghị về dân sự.

* Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cung cấp: Xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, BKS: 36A-794.09 đăng ký chủ xe cấp lần đầu ngày 26/8/2022 là Nguyễn Hoài N. Ngày 27/11/2025, xe ô tô đã sang tên, mang BKS: 30K-228.76, đăng ký chủ xe là Nguyễn Văn Đ1.

* Ngày 05/01/2026, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô Kia Sonet, số khung: RNYXB54C0NC268153, số máy: G4FLNV295090 cho anh Nguyễn Văn Đ1.

Như vậy, Đồng Tố V đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, BKS: 36A-794.09 của anh Đào Văn K có trị giá là 534.050.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn Đ1 là người mua xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, BKS: 36A-794.09 của Đồng Tố V, cơ quan điều tra xác định Đ1 không biết xe ô tô trên do V phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Đào Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Đ1 không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại Cáo trạng số 665/CT-VKSHN-P3, ngày 05/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đồng Tố V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (dưới đây gọi chung là Bộ luật Hình sự).

[2] Tại phiên tòa:

Bị cáo Đồng Tố V thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự đúng người, đúng tội. Bị cáo xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

Các bị hại và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lời khai của họ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nghe rõ và khẳng định họ khai đúng, không có ý kiến phản đối gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Thái Vinh T4 trình bày: Anh là người mua xe ô tô Kia Seltos, BKS: 30H-436.92 của Đồng Tố V. Khi mua anh không biết xe ô tô trên do V phạm tội mà có. Không biết chủ sở hữu xe ô tô thực là anh Phạm Như T2. Nay anh T2 đã nhận lại xe ô tô BKS: 30H-436.92. Vì vậy, anh yêu cầu bị cáo Đồng Tố V hoàn trả số tiền anh mua xe là 530.000.000 đồng.

Bị cáo Đồng Tố V thừa nhận anh T4 trình bày như trên là đúng sự thật. Bị cáo đồng ý trả anh T4 số tiền 530.000.000 đồng nhưng hiện chưa có, bị cáo sẽ tác động gia đình trả sớm nhất có thể.

[3] Phần tranh luận tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; động cơ, mục đích và nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 4 Điều 175; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đồng Tố V từ 08 năm đến 09 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; buộc bị cáo phải trả anh Nguyễn Thái Vinh T4 số tiền 530.000.000 đồng.

- Các luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm tranh luận: đồng ý với Kiểm sát viên về tội danh và khung hình phạt cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, các luật sư cho rằng mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là quá nặng đối với bị

cáo. Bồi bị cáo đã thực sự thành khẩn, ăn năn hối cải; trả các bị hại toàn bộ số tiền chiếm đoạt và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo từng là người có thành tích xuất sắc trong học tập. Vì vậy, các luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án từ 05 năm đến 07 năm cũng đủ giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử và Viện kiểm sát xem xét, mở lượng khoan hồng cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét về hành vi vi phạm của bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Đồng Tố V đúng với các lời khai tại Cơ quan tra điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với tang vật của vụ án cũng như các tài liệu, chứng cứ khác. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 3/2023, bị cáo Đồng Tố V đã có hành vi nhận bán hộ xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, BKS: 30G - 864.96 trị giá là 730.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Thu T1; nhận bán hộ xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos, BKS: 30H-436.92 trị giá là 640.700.000 đồng của anh Phạm Như T2; mượn xe ô tô nhãn hiệu Kia Sonet, BKS: 36A-794.09 trị giá là 534.050.000 đồng của anh Đào Văn K. Sau đó, V đã chiếm đoạt mang các xe ô tô trên bán hoặc cầm cố cho người khác lấy tiền sử dụng và chi tiêu cá nhân, không trả lại xe ô tô, không trả tiền đã bán xe cho các bị hại. Bị cáo Đồng Tố V đã chiếm đoạt 03 xe ô tô của các bị hại với tổng giá trị tài sản là 1.904.750.000 đồng. Hiện các xe ô tô trên đã được Cơ quan điều tra thu hồi, trả lại các bị hại. Các bị hại đã nhận, không yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đồng Tố V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đồng Tố V, sinh năm 1994 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn, thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội, làm suy giảm lòng tin trong các quan hệ dân sự, kinh tế giữa các cá nhân. Vì vậy, cần xử lý bị cáo nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.
- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội từ hai lần trở lên, thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả, hoàn trả toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt cho các bị hại. Các bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì khác, người liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có thành tích xuất sắc trong học tập, được tặng giấy khen của Trường Đại học L4 - Xã hội, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng Hà Nội 2 và Ban Chấp hành Đoàn phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội; ông nội bị cáo là cụ Đồng Tố T8, người có công với Nhà nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; hậu quả của vụ án đã được khắc phục phần lớn; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét bị cáo hiện không có việc làm và thu nhập ổn định, không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tiền, tài sản bị chiếm đoạt, không còn yêu cầu khác, nên không xét. Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Thái Vinh T4 là có căn cứ, cần chấp nhận buộc bị cáo hoàn trả anh T4 số tiền 530.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Đồng Tố V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 32; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Đồng Tố V **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Biện pháp tư pháp: *Áp dụng Điều 46; 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 584 và Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015:*

Buộc bị cáo Đồng Tố V trả cho anh Nguyễn Thái Vinh T4 số tiền 530.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: *Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức Thu, miễn, giảm, T9, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

3.1. Bị cáo Đồng Tố V phải chịu **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm.

3.2. Bị cáo Đồng Tố V phải chịu **25.200.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:*

Bị cáo Đồng Tố V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (có mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- VKSNDTC;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Công an Thành phố Hà Nội;
- THADS Thành phố Hà Nội;
- Ủy ban kiểm tra Đảng ủy phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội
- Bị cáo;
- Cơ sở giam giữ;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Chiều